

BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

NHỮNG GHI CHÉP LIÊN QUAN ĐẾN BIỂN ĐÔNG VIỆT NAM TRONG PHƯƠNG CHÍ TRUNG HOA (Tiếp theo)

Phạm Hoàng Quân*

LTS: Khảo luận này là một phần trong công trình nghiên cứu của tác giả Phạm Hoàng Quân. Nội dung chủ yếu của công trình là khảo chứng những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong các bộ *chính sử*, *phương chí* và *địa đồ cổ* của các triều đại phong kiến Trung Hoa. Mục đích của công trình một mặt nhằm sưu tập và khảo chứng các tư liệu cổ liên quan đến biển Đông để phục vụ lâu dài cho việc nghiên cứu về biển, đảo Việt Nam, mặt khác, nó còn cung cấp cho người đọc một cái nhìn hệ thống về cương vực vùng biển cực nam của Trung Quốc qua các thời kỳ lịch sử. Qua đó, người đọc dễ dàng nhận thấy các yêu sách của nhà cầm quyền Trung Quốc hiện nay về đường lưỡi bò trên biển Đông là hoàn toàn không có căn cứ lịch sử.

Phần đầu của công trình này với nhan đề “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc” đã đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 1 (84). 2011; Kỳ 1 của Phần 2: “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong phương chí Trung Hoa” đăng trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 3 (86). 2011.

III. Thông chí

Những biên chép mang hình thức lịch sử địa lý/phong tục về một khu vực, một vùng miền xuất hiện rất sớm so với các sách thuộc loại hình tổng chí. *Hoa Dương quốc chí*, 12 quyển 華陽國志, 十二卷 của Thường Cừ 常璩 viết trong thời Đông Tấn (317-420) được xem là sách tổ của loại hình thông chí và địa phương chí, bốn quyển đầu sách này lấy địa vực làm cương, phân chép về bốn nơi, gồm: Ba chí 巴志, Hán Trung chí 漢中志, Thục chí 蜀志, Nam Trung chí 南中志 ứng với ba châu Lương, Ích, Ninh thời Tấn [nay ở trong khoảng Thiểm Tây, Tứ Xuyên]. Mỗi quyển phân mục chép về lịch sử cương vực, khu hành chính, sông núi, đường sá, sản vật, dân tộc, phong tục, mố khoáng, cổ tích..., qua bốn quyển này Thường Cừ được xem là người đặt ra thể lệ phân mục thông chí. Người sau cũng cho rằng Thường Cừ đã tổng kết lý luận biên soạn phương chí thời kỳ sơ khởi, với quan điểm “Thư kế ngũ thiện 書契五善 / nội dung tích hợp 5 điều tốt”. Trong lời Tựa, Thường Cừ cho rằng soạn thông chí phải chú ý để “đạt được đạo nghĩa, rõ ràng pháp luật, thông suốt xưa nay, tuyên dương người có công, tái tạo người hiền năng”.⁽⁸¹⁾

Những ghi chép riêng biệt về vùng châu Giao, châu Quảng cũng xuất hiện khá sớm, *Giao Quảng ký* 交廣記 [hoặc gọi *Thập tứ châu ký*] của Hoàng Cung 黃恭, *Quảng Châu ký* 廣州記 của Bùi Uyên 裴淵 viết trong thời Tấn với những đoạn còn lại thường được các phương chí đời sau trích dẫn.⁽⁸²⁾ Cho đến thời Minh, loại hình thông chí đạt tới mức hoàn thiện, phản ánh được toàn diện các hoạt động của một khu vực hành chính.

Liên quan trực tiếp đến vùng biển phía nam Trung Hoa là các bộ thông chí tỉnh Quảng Đông, trước sau có 8 bộ, đều do các quan chức cấp cao ở tỉnh chủ trì biên soạn.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời Minh có 4 bộ:

- *Quảng Đông thông chí sơ thảo* 廣東通志初稿, 40 quyển, 1 quyển Thủ, do Án sát Ngự sử Quảng Đông Đới Cảnh 戴璟 chủ biên, làm xong năm Gia Tĩnh thứ 14 (1535), khắc in trong niên hiệu Gia Tĩnh (1522-1566).⁽⁸³⁾

- *Quảng Đông thông chí*, 70 quyển, do Thiêm sự kiêm Thị giảng học sĩ Hoàng Tá 黃佐 chủ biên, làm xong năm Gia Tĩnh thứ 36 (1557), khắc in trong niên hiệu Gia Tĩnh.⁽⁸⁴⁾

- *Việt đại ký* 粵大記, 32 quyển, Quách Phỉ 郭棐 soạn, khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch. Chỉ còn 27 quyển, từ quyển 3 đến quyển 29.⁽⁸⁵⁾

- *Quảng Đông thông chí*, 72 quyển, 1 quyển Thủ, Quang Lộc tự khanh trí sĩ Quách Phỉ soạn, lời Tựa của Quách Phỉ đề năm Vạn Lịch Nhâm Dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch.⁽⁸⁶⁾

Trong thời Thanh có 4 bộ:

- *Quảng Đông thông chí*, 30 quyển, do Tuần phủ Quảng Đông Lưu Bình Quyền 劉秉權⁽⁸⁷⁾ soạn, làm xong năm Khang Hy thứ 12 (1673).⁽⁸⁸⁾

- *Quảng Đông thông chí* [không rõ số quyển] do Tổng đốc Lương Quảng Kim Quang Tổ 金光祖⁽⁸⁹⁾ soạn, làm xong năm 1675, khắc in năm Khang Hy thứ 36 (1697).⁽⁹⁰⁾

- *Quảng Đông thông chí*, 64 quyển và 1 quyển Thủ, do Tổng đốc Quảng Đông Hách Ngọc Lâm 郝玉麟⁽⁹¹⁾ chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ 9 (1731). Đây là bộ thông chí được thực hiện theo sắc lệnh ban bố năm Ung Chính thứ 7 về việc tổ chức soạn tu thông chí cho các tỉnh toàn Trung Hoa. Bộ này cũng là bộ thông chí Quảng Đông duy nhất được nhập Tứ khối toàn thư.⁽⁹²⁾

- *Quảng Đông thông chí*, 334 quyển⁽⁹³⁾ do Thái tử Thiệu bảo Binh Bộ Thượng thư Đô sát viện Hữu đô ngự sử Lương Quảng Tổng đốc Nguyễn Nguyên 阮元 giám tu, Trần Xương Tề 陳昌齊 tổng toàn, làm xong và khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ 2 (1822).⁽⁹⁴⁾

Ngoài tám bộ nêu trên, còn hai bộ thông chí Quảng Đông khác cũng được viết trong thời Minh, một bộ của Tạ Triệu Chiết 謝肇淛 và một bộ của Trương Vân Dực 張雲翼. Hai tác giả này thấy được nhắc đến trong lời “*Cẩn án Hách Ngọc Lâm Quảng Đông thông chí 64 quyển*” của nhóm Kỷ Quân,⁽⁹⁵⁾ nhưng chưa thấy các bộ thông chí, phủ chí về sau trích dẫn, cũng không thấy các sách thư mục nêu tên.

Những bộ thông chí Quảng Đông trên đây được biên soạn nối nhau trong khoảng thời gian gần ba trăm năm [từ năm 1535 đến năm 1822]. Đại thể các bộ tương đồng về nội dung, phân bố chuyên đề có vài điểm khác nhau, dữ liệu cơ bản của mỗi bộ phản ánh rõ không khí sinh hoạt đương thời, thông tin về tiền triều được chép có hệ thống và giản lược, thông tin về bản triều đầy đủ chi tiết.

Dưới đây là bảng “Mục lục đối chiếu 2 bộ thông chí Quảng Đông tiêu biểu của 2 triều Minh-Thanh”,⁽⁹⁶⁾ nhằm để tổng lãm về cơ cấu tổ chức trong việc biên soạn và nắm đại cương về các chuyên đề và bố cục các chuyên đề trong thông chí.

Bảng 1. Mục lục đối chiếu 2 bộ thông chí Quảng Đông tiêu biểu của 2 triều Minh-Thanh

Quảng Đông thông chí, 72 quyển và quyển Thủ , (1602), Quách Phỉ (Minh). (Gọi tắt là <i>Quách chí</i>)	Quảng Đông thông chí, 64 quyển và quyển Thủ , (1731), Hách Ngọc Lân (Thanh). (Gọi tắt là <i>Hách chí</i>)
Quyển Thủ * “Quảng Đông thông chí tự / 廣東通志序”. Lời Tựa của Đới Diệu 戴耀, Khâm sai Tổng đốc Lương Quảng Quân vụ Đô sát viện Hữu đô ngự sử Binh Bộ Hữu thị lang.⁽¹⁾ (Không đề năm). * “Việt Đông thông chí tự / 粵東通志敘”. Lời Tựa của Lý Thời Hoa 李時華, Tuần phủ Quảng Đông Giám sát ngự sử, đề năm Vạn Lịch Tân Sửu (1601). * “Quảng Đông thông chí tự”. Lời Tựa của Trần Tính Học 陳性學, Bố chánh sứ ty Quảng Đông, đề năm Vạn Lịch Nhâm Dần (1602). * “Quảng Đông thông chí tự”. Lời Tựa của Viên Mậu Anh 袁茂英, Đề hình Án sát ty Đề đốc Học hiệu Phó sứ (Quảng Đông). Không đề năm. * “Quảng Đông thông chí tự”. Lời Tựa của Quách Phỉ, Quang Lộc tự khanh, trí sĩ, đề năm Vạn Lịch Nhâm Dần (1602). * “Quảng Đông thông chí sơ thảo tự / 廣東通志初稿序”⁽²⁾. Lời Tựa của Đới Cảnh * “Quảng Đông cựu thông chí tự / 廣東舊通志序”⁽³⁾. Lời Tựa của Hoàng Tá * Phạm lệ, gồm 27 điều. * Quảng Đông thông chí tổng mục: Gồm 72 quyển, số quyển 1 đến 72 ứng với số chữ trong <i>Thiên tự văn</i>.⁽⁴⁾ (Xem dưới) Quyển 1-13: Phiên tỉnh chí 藩省志 Q.1. Dư đồ Tổng thuyết về cương vực, kèm 2 bức địa đồ,⁽⁵⁾ phân dã, phân tỉnh, phân độ, chiêm tinh khảo chứng, diên cách, hình thặng, khí hậu. Q.2-Q.6. Sự kỷ Trích lục tư liệu lịch sử về Quảng Đông, bắt đầu từ thiên “Nghịêu điển” sách <i>Thượng thư</i>,⁽⁶⁾ dừng tại năm Long Khánh thứ 6 (1572).⁽⁷⁾	Khâm định Tứ khố toàn thư, Sử bộ, Quảng Đông thông chí. (Quyển Thủ) * Biểu dâng sách, Hách Ngọc Lân * Phạm lệ, gồm 30 điều. * Danh sách quan viên tham gia soạn tu: - <i>Tổng tài</i>, 6 người: + Hách Ngọc Lân 郝玉麟, Tổng đốc Quảng Đông + Phó Thái 傅泰, nguyên thự Tuần phủ Quảng Đông + Ngạc Di Đạt 鄂彌達, Tuần phủ Quảng Đông + Tiêu Kỳ Niên 焦祈年, Quan phong chính tục sứ (QĐ) + Đặng Chung Nhạc 鄧鍾岳, Đề đốc học chính Quảng Châu, Thiệu Châu (QĐ) + Trần Đức Hoa 陳德華, Đề đốc học chính Triệu Khánh, Cao Châu (QĐ) - <i>Đề điều kiêm Hiệp biện</i>, 3 người: + Vương Sĩ Tuấn 王士俊, Bố chánh sứ Quảng Đông. + Hoàng Văn Vĩ 黃文煒, Án sát sứ Quảng Đông. + Đào Chính Trung 陶正中, Lương dịch đạo Quảng Đông. - <i>Tổng tập</i>, 1 người: + Lỗ Tăng Dục 魯曾煜, Hàn lâm Thứ cát sĩ Triết Giang. - <i>Phân toản</i>, 6 người: + Hà Thâm 何深, Tiến sĩ, nguyên Tri huyện Trường Sa (Hồ Quảng). + Hứa Toại 許遂, Cử nhân, nguyên Tri huyện Thanh Hà (Giang Nam). + Lý Thiệu Tổ 李紹祖, Cử nhân, nguyên Tri huyện Vĩnh Tân (Giang Tây). + Trương Trần Điển 張陳典, Cử nhân. + Dư Tích Thuần 余錫純, Huấn đạo huyện Dương Giang (QĐ). + La Học Tứ 羅學泗, Sinh viên Huyện học, huyện Sơn Âm (Triết Giang). - <i>Giám khắc</i>, 1 người: + Triệu Hoàng Văn 趙弘文, Kinh lịch Bố chánh ty. * Mục lục: Gồm 64 quyển. (Xem dưới). * Lời Cẩn án của nhóm chủ trì Tứ khố toàn thư,⁽¹⁾ đề năm Càn Long thứ 46 (1781).⁽²⁾ Quyển 1: Điển mô chí / 典謨志 Sưu lục các bài Ngự chế, chỉ dụ về việc tổ chức và quản lý hành chánh của 3 triều Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính⁽³⁾.

Q.7. Công thự

Ghi chép về các công sở hành chánh, học hiệu,⁽⁸⁾ thuế ruộng, hộ khẩu, đồn điền, thuế muối, tình hình sản xuất mua bán muối, thuế khóa các loại.⁽⁹⁾

Q.8- Q.9. Binh phòng

Chức vụ trong quân, nội quy kỷ luật, vũ khí, lương thực hậu cần, đồn điền, quân bắn cung, dân quân, địa phương quân, chế độ trợ cấp binh lính, nơi ở của các cấp chỉ huy, kỵ binh, chiến thuyền.⁽¹⁰⁾

Q.10. Trật quan

Các ngạch trật quan lại trong tỉnh.

Q.11-Q.13. Danh hoạn

Tiểu sử các quan lớn có công với địa phương, có danh ở triều đình trong lịch sử.⁽¹¹⁾

Quyển 14-62: Quận huyện chí / 郡縣志⁽¹²⁾

Phân chép về 10 phủ, 1 châu:

Q.14-Q.26. Quảng Châu phủ / 廣州府

Gồm các mục: Dư đồ, diên cách, sơn xuyên, phong tục, thành trì, công thự, học hiệu, phường đồ, dịch trạm, cầu dò, thủy lợi, hộ khẩu, thuế khóa, sở muối, đàn miếu, cổ tích, mộ cổ, thổ sản, chức quan, tuyển cử, quan lớn, lưu ngụ, nhân vật.⁽¹³⁾

Q.27-Q.31. Thiệu Châu phủ / 韶州府

Q.32-Q.33. Nam Hùng phủ / 南雄府

Q.34-Q.38. Huệ Châu phủ / 惠州府

Q.39-Q.44. Triều Châu phủ / 潮州府

Q.45-Q.50. Triệu Khánh phủ / 肇慶府

Q.51- 52. Cao Châu phủ / 高州府

Q.53-Q.54. Liêm Châu phủ / 廉州府

Q.55-Q.56. Lôi Châu phủ / 雷州府

Q.57-Q.61. Quỳnh Châu phủ / 瓊州府

Dư đồ,⁽¹⁴⁾ phong tục, thành trì, thủy lợi, hộ khẩu, thổ sản, chức quan, tuyển cử, danh hoạn, nhân vật.

Q.62. La Định châu / 羅定州⁽¹⁵⁾

Quyển 63-65: Nghệ văn chí / 藝文志⁽¹⁶⁾

Thư mục, bi ký, thi phú.

Quyển 63

Nghệ văn chí, Thượng

Thư mục⁽¹⁷⁾

Quyển 64

Nghệ văn chí, Trung

Bi ký

Quyển 2: Tinh dã chí / 星野志

Lý thuyết về thiên văn, bức đồ hình phân vị trí và độ số các vì sao, quy ước chòm sao [Tinh] tương ứng với vùng đất [Dã], bức đồ hình Đẩu Ngưu Nữ, lý thuyết,⁽⁴⁾ đồ hình Dực Chấn, lý thuyết, đồ hình Thiên Thị Đàn, lý thuyết, đồ hình Tam Thai Bắc Đẩu, lý thuyết, đồ hình Lão Nhân Tinh, lý thuyết, tinh dã của từng phủ.⁽⁵⁾

Quyển 3: Dư đồ chí / 輿圖志

Một bức địa đồ “Quảng Đông toàn tỉnh tổng đồ”, địa đồ 10 phủ, 2 châu⁽⁶⁾ [các phủ/châu đều 2 bức “...cương vực đồ” và “...thành quách đồ”], địa đồ phòng vệ biển “Quảng Đông hải phòng đồ”,⁽⁷⁾ địa đồ núi Mai Lĩnh, địa đồ Áo Môn, địa đồ Hổ Môn.

Quyển 4: Cương vực chí / 疆域志

Lời tiểu dẫn.

Cương vực, hình thảng toàn tỉnh.

Phân chép về 10 phủ, 2 châu.

Cương vực, hình thảng mỗi phủ/châu

Quan ải, biên hộ [số hộ], phân chép theo từng huyện.

Quyển 5: Diên cách chí / 沿革志

Tiểu dẫn.

Biểu đồ diên cách từ Thượng cổ [Đường Ngu, Tam Đại] đến thời Minh, lược biên sự diên cách từ đầu Thanh đến năm Ung Chính thứ 8 (1730)

Biểu đồ diên cách 10 phủ, 2 châu.⁽⁸⁾

Quyển 6: Biên niên chí 1/ 編年志 (一)

Sự kiện lịch sử từ Thượng cổ đến hết nhà Minh.

Quyển 7: Biên niên chí 2/ 編年志 (二)

Sự kiện lịch sử thời Thanh, từ năm Thuận Trị nguyên niên (1644) đến tháng Chạp năm Ung Chính thứ 8 (1730).⁽⁹⁾

Quyển 8: Lễ nhạc chí / 禮樂志

Quyển 9: Hải phòng chí / 海防志⁽¹⁰⁾

Tiểu dẫn

Liệt kê các Vệ, Sở, Tuần kiểm ty ven biển các cửa cảng, hải đảo.

Trích lục các lệnh cấm.

Trích lục các kế sách phòng vệ biển trong các sách *Trù hải đồ biên*, *Địa đồ tổng yếu*, *Kỷ hiệu tân thư*, *Việt đại ký* và phủ chí các phủ ven biển...

Bình thuyền.⁽¹¹⁾

Phụ lục: Lịch triều hải khẩu [các đảng cướp biển lớn qua các thời].

Quyển 10-13: Sơn xuyên chí / 山川志

Tiểu dẫn.

Phân chép núi, sông, cảng, đảo từng phủ, huyện.

Quyển 14: Thành trì chí / 城池志

Tiểu dẫn.

Phân chép thành trì các phủ.

Quyển 65

Nghệ văn chí, Hạ

Thị phú

Quyển 66-72: Ngoại chí / 外志

Đạo sĩ sư sãi, chùa Phật đạo tràng, tội phạm, quan tham/ ác, phiên di, các tộc dân, tạp lục.

Quyển 66

Ngoại chí 1

Tiên Thích

Quyển 67

Ngoại chí 2

Tự quán

Quyển 68

Ngoại chí 3

Tội phóng, Tham khố

Quyển 69

Ngoại chí 4

Phiên Di

An Nam, Chiêm Thành, Xiêm La, Trảo Oa, Tam Phật Tề, Mãn Lạt Gia, Chân Lạp, Tô Môn Đáp Lạt, Tích Lan Sơn, Phật Lang Cơ, Hồng Mao.

Quyển 70

Ngoại chí 5

Các dân tộc⁽¹⁸⁾

Quyển 71

Ngoại chí 6

Tạp lục, Thượng

Quyển 72

Ngoại chí 7

Tạp lục, Hạ

Tổng thể bố cục:

Chia ba phần, phần đầu [quyển 1-quyển 13] lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục; phần hai [quyển 14-quyển 62] lấy địa phương làm cương, chuyên đề làm mục; phần ba [quyển 63-quyển 72] lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục.

Quyển 15: Thủy lợi chí / 水利志

Quyển 16: Học hiệu chí / 學校志

Quyển 17: Công thự chí / 公署志

Quyển 18: Phường đô chí / 坊都志⁽¹²⁾

Quyển 19-22: Cống phú chí / 貢賦志

[Thuế khóa các loại]

Quyển 23: Binh phòng chí / 兵防志

Tiểu dẫn.

Lịch đại binh phòng.⁽¹³⁾

Binh phòng các phủ, huyện.

Quyển 24: Đồn điền chí / 屯田志

Tiểu dẫn.

Lịch đại đồn điền.⁽¹⁴⁾

Quy chế đồn điền nhà Thanh.

Đồn điền các phủ, vệ.⁽¹⁵⁾

Quyển 25: Diêm pháp chí / 鹽法志

Quyển 26-30: Chức quan chí / 職官志

Quyển 31-36: Tuyển cử chí / 選舉志

Quyển 37: Phong ấn chí / 封蔭志

Quyển 38-42: Danh hoạn chí / 名宦志

Quyển 43: Trích hoạn chí / 謫宦志

Quyển 44-48: Nhân vật chí / 人物志

Quyển 49-50: Liệt nữ chí / 列女志

Quyển 51: Phong tục chí / 風俗志

Quyển 52: Vật sản chí / 物產志

Quyển 53: Cổ tích chí / 古蹟志

Quyển 54: Đàn từ chí / 壇祠志

Quyển 55: Doanh mộ chí / 塋墓志

Quyển 56: Tiên thích chí / 仙釋志

Quyển 57: Lĩnh Man chí / 嶺蠻志

Tiểu dẫn.

Dao Động, Lý Hộ, Động Liêu, Đản Hộ, Tạp Man.⁽¹⁶⁾

Quyển 58: Ngoại Phiên chí / 外番志

Tiểu dẫn

Lịch sử quan hệ với các nơi bên ngoài.⁽¹⁷⁾

Lược sử một số nước và sự giao lưu với 33 nước: Xiêm La, Tây Dương, Hà Lan, An Nam, Lưu Cầu, Tô Lộc, Chiêm Thành, Chân Lạp, Qua Oa, Tam Phật Tề, Mãn Lạt Gia, Tô Môn Đáp Lạt, Tích Lan Sơn, Kha Chi, Lự Sơn Dương, Đại Tiểu Cát Lan, Diệc Tư Bả Hãn, Tiểu Lạt Oa, Hốt Lỗ Mô Tư, Lạt Tát, A Đan, Phật Lang Cơ, Nhật Bản, Lữ Tống, Cổ Ma Lạt, Tổ Pháp Nhi, Bách Hoa, Lãm Bang, Bột Nê, Đạm Ba, A Lỗ, Mộc Cốt Đô Thúc, Thiên Phương.⁽¹⁸⁾

Quyển 59-63: Nghệ văn chí / 藝文志

Quyển 64: Tạp sự chí / 雜事志

Các việc lạ, linh dị, truyền thuyết...⁽¹⁹⁾

Tổng thể bố cục:

Lấy chuyên đề làm cương, địa phương làm mục.

Ghi chú:

Quách chí

- (1) Qua lời Đối Diệu biết thêm những người cộng tác với Quách Phỉ để thực hiện thông chí này là Vương Học Tăng 王學曾, Viên Xương Tộ 袁昌祚, cùng nhiều trí thức khác.
- (2) Trích lục toàn văn Lời Tựa của Đối Cảnh (1535).
- (3) Trích lục toàn văn Lời Tựa của Hoàng Tá (1557)
- (4) Từ chữ *Thiên* (thiên địa huyền hoàng 天地玄黃)... đến chữ *Dương* (luật lý điều dương 律呂調陽).
- (5) “Quảng Đông toàn đồ” và “Quảng Đông tỉnh thành đồ (ly sở)”
- (6) Trích câu “堯命義叔宅南交 / Nghiêu mệnh Hy Thúc trạch Nam giao”.
- (7) Tháng 11, Đê đốc Chính Mậu cử đại binh dẹp sơn khấu Lĩnh Đông.
- (8) Phân mục: thư viện, học xã, học cung, nghi lễ tế thánh ở học cung.
- (9) Lương thực, gia súc, nội ngoại thương, thủy hải sản, khai khoáng...
- (10) Phụ thêm phần kỹ thuật đóng thuyền.
- (11) Từ quyển 1 đến quyển 13 chép chung các sự việc trong toàn tỉnh, lấy chuyên đề làm *cương*, địa phương làm *mục*.
- (12) Từ quyển 14 đến 62 (49 quyển) phân chép về 10 phủ và 1 châu. Lấy địa phương làm *cương*, chuyên đề làm *mục*.
- (13) Phủ Quảng Châu là nơi đặt lý sở của tỉnh, tích tụ văn hóa lâu đời nên các đề mục nhiều hơn những phủ khác.
- (14) Dư đồ phân mục: Địa đồ toàn phủ, đồ kinh (luận về địa đồ, cương vực), diên cách, sơn xuyên.
- (15) Châu miền núi, giáp Quảng Tây, trực thuộc tỉnh.
- (16) Từ quyển 63 đến quyển 72 trở lại cách chép 13 quyển đầu, gồm chung các sự việc trong toàn tỉnh, lấy chuyên đề làm *cương*, địa phương làm *mục*.
- (17) Danh mục xếp theo bộ Kinh, Sử, Tử, Tập, gồm trữ tác của các tác giả trong tỉnh và các tác giả khác viết về vùng Giao Quảng, đã mất và hiện còn, từ xưa đến đương thời.
- (18) “Dao Động 獠獠 [nay gọi là Choang], Lý Hộ 俚戶 [người Lê], Tạp Man 雜蠻, Nụy Di 雜蠻 [người Nhật]”.

Hách chí

- (1) Tổng toàn Kỷ Quân 紀昀, Lục Tích Hùng 陸錫熊, Tôn Sĩ Nghị 孫士毅; Tổng hiệu Lục Phí Trì 陸費墀.
- (2) Túc 50 năm sau, công trình này nhập Tứ khối toàn thư.
- (3) Chép lại chính lệnh của triều đình có ảnh hưởng tới địa phương, là điểm mới so với các thông chí thời Minh.
- (4) Sưu lục các ghi chép liên quan trong cổ thư.
- (5) Phần chép về phủ Quỳnh Châu phụ thêm vĩ độ Nam Hải [15 độ], sao lục mục Lịch chí trong *Nguyên sử*.
- (6) Số phủ như thời Minh, châu tăng thêm 1 [Liên Châu, giáp Quảng Tây].
- (7) Địa đồ liên hoàn gồm 16 tờ [32 trang], bắt đầu từ bờ biển Quỳnh Châu vòng theo hướng tây nam qua bờ biển Liêm Châu, theo đường ven biển đến hải giới tỉnh Phúc Kiến.
- (8) Sau mỗi phủ lại có biểu đồ diên cách của từng huyện.
- (9) Biên niên chí (quyển 6-7) tương đương với Sự kỷ (q.2 -q.6) trong *Quách chí*.
- (10) Sau một quyển riêng về hải phòng, *Hách chí* còn chép thêm việc phòng vệ biển vào mục Binh phòng (q. 23). *Quách chí* chép sơ lược về hải phòng và các loại binh thuyền vào phần Binh phòng (q.8- q.9).
- (11) Ghi chép sơ lược về 11 loại thuyền binh: Quảng Hải, Khai Lăng, Thương Sơn, Bát Tương, Ngư, Lưỡng Đầu, Ngô Công, Sa, Chiến, Việt, Dương.
- (12) Danh sách các khu dân cư do huyện quản lý, gồm: Sương, Phường, Hương, Đô, Bảo, Thị. Trong *Quách chí*, Phường đô là tiểu mục chép trong mục Thành trì, gồm Hương, Sương, Đô, Thị.

- (13) Chép chung về lục quân và thủy quân, bắt đầu từ nhà Tần, chép kỹ việc binh phòng nhà Minh, việc nhà Thanh dừng ở năm Ung Chính thứ 8.
- (14) Việc thiết lập đồn điền qua các thời Hán, Tống, Nguyên, Minh.
- (15) Địa điểm, diện tích, sản lượng.
- (16) Chép về các tộc dân Dao, Đổng, Lê, Lão, Đản và các tộc khác, chi tiết hơn *Quách chí*.
- (17) Từ Thượng cổ đến thời Minh.
- (18) Tên gốc trong nguyên văn: 暹邏, 西洋, 荷蘭, 安南, 琉球, 蘇祿, 占城, 真臘, 瓜哇, 三佛齊, 滿刺加, 蘇門答刺, 錫蘭山, 柯枝, 溜山洋, 大小葛蘭, 亦思把罕, 小刺哇, 忽魯謨斯, 刺撒, 阿丹, 佛郎機, 日本, 呂宋, 古麻刺, 祖法兒, 百花, 覽邦, 渤泥, 淡巴, 阿魯, 木骨都束, 天方.
Trong đó có một số nước chép kỹ như Xiêm La [hơn 16 trang], An Nam [21 trang], Chiêm Thành [8 trang], 13 nước chỉ chép mỗi nước khoảng 2 hàng.
Tên các nước hải âm Hán, tương tự trong *Minh sử*, *Minh thực lục* và *Thanh sử cảo*, tôi sẽ chú giải và đối chiếu tên hiện nay của các nước này trong một chuyên đề khác.
- (19) Thần Nam Hải, Thần Đổng Cổ [phụ khảo về trống đồng], Đổng Trụ, Thiên Hậu...

Khảo sát và trích dịch

Quy ước về địa danh khi dịch sang Việt văn

Các địa danh có chữ “Châu” đi kèm, thường gặp trong bài viết này nằm trong 3 trường hợp:

1. Địa danh có âm vận “Châu / 州”, như Quỳnh Châu, Quảng Châu, Triều Châu, Cao Châu, Lôi Châu, Liêm Châu, Khâm Châu... Chữ “Châu” trong những địa danh này chỉ nơi có nguồn gốc từng là đơn vị hành chính [khu vực cai trị] cấp châu thời Đường-Tống, sang thời Minh-Thanh các đơn vị này nâng lên làm phủ, hoặc hạ xuống làm huyện [trường hợp Khâm Châu], chữ châu trở thành từ tổ trong địa danh. Trong tiếng Việt, đối với các văn bản thuộc bối cảnh thời Minh-Thanh, các địa danh này phải viết đủ [là Quỳnh Châu...], thêm hoặc không thêm tên đơn vị hành chính phủ/huyện phía trước [phủ Quỳnh Châu, huyện Khâm Châu]. Không viết châu Khâm [có thể viết tắt là: huyện Khâm]; ba châu Cao, Lôi, Liêm [có thể viết tắt: ba phủ Cao, Lôi, Liêm (nhiều bản dịch sai điểm này)].

2. Địa danh đi kèm tên đơn vị hành chính cấp “châu / 州”, như Đàm châu, Nhai châu, Vạn châu. Trong một số trường hợp có thể giữ nguyên cấu trúc như trong văn bản Hán, nhưng để phân biệt, *không viết hoa chữ châu*; có thể viết theo tiếng Việt là châu Đàm, châu Nhai, châu Vạn. Ngày nay, đơn vị hành chính châu Nhai đổi gọi thị trấn Nhai Thành, châu Vạn đổi gọi thành phố Vạn Ninh [không giữ chữ châu làm thành tố như trường hợp 1]; Nhai châu/ châu Nhai được giữ làm tên vịnh biển, nên viết vịnh Nhai Châu, chữ châu trong châu Đàm vẫn giữ, là thành phố Đàm Châu [2 trường hợp này viết hoa chữ Châu].

3. Địa danh đi kèm với chữ “châu / 洲” [có bộ thủy, nghĩa: cồn bãi, đảo, đại lục] như Vi Châu, Đại Mạo Châu... Đây là trường hợp khá phức tạp, địa đồ cổ viết Vi châu [cồn Vi], bản đồ mới viết Vi Châu đảo [đảo Vi Châu], Đại Mạo Châu có khi viết Đông Châu, các ghi chép này có xu hướng biến chữ châu làm thành tố cho địa danh [như các trường hợp Sa, Sơn, Nham, Linh,

Phong, Thạch...]. Tôi sẽ trở lại vấn đề này bằng một chuyên luận, trước mắt các địa danh loại này sẽ linh động theo văn cảnh và hầu hết giữ theo cấu trúc nguyên văn.

Trong các bản dịch đã công bố trước đây, vì chưa kịp hệ thống tư liệu nên người viết bài này có đôi chỗ sơ suất, xin độc giả điều chỉnh giúp các sai lầm nếu gặp phải.

Những khảo sát về địa đồ và trích dịch các điều liên quan đến vùng biển phía nam Trung Hoa sau đây sẽ căn cứ chủ yếu vào *Quảng Đông thông chí*, 72 quyển, 1 quyển *Thủ* do Quách Phỉ soạn (gọi tắt là *Quách chí*) và *Quảng Đông thông chí*, 64 quyển, 1 quyển *Thủ* do Hách Ngọc Lân chủ biên (gọi tắt là *Hách chí*).

Khảo sát địa đồ

Quách chí, địa đồ toàn tỉnh đặt đầu quyển 1, địa đồ các phủ đặt đầu phần viết về mỗi phủ, rải trong phần Quận huyện chí (từ quyển 14 đến quyển 62).

Địa đồ toàn tỉnh Quảng Đông không có tiêu đề (quyển 1, tờ 1b-2a), trước địa đồ là lời dẫn có tiêu đề “Dư đồ”. Cực bắc là Mai Quan 梅關 và Đại Dữu Lĩnh 大庾嶺, cực nam là châu Nhai 崖 thuộc phủ Quỳnh Châu 瓊州, cực đông là huyện Nhiêu Bình 饒平 thuộc phủ Triều Châu 潮州, cực tây là Phân Mao Lĩnh 分茅嶺.

Địa đồ phủ Quỳnh Châu không có tiêu đề (quyển 57, tờ 1b-2a), trước địa đồ là lời dẫn có tiêu đề “Dư đồ”, địa đồ thể hiện bốn bên là biển, cực nam là Tuần ty Thông Viễn 通遠巡司 thuộc địa bàn châu Nhai. Sau địa đồ là mục “Đồ kinh”, tức phần văn phụ thuyết cho địa đồ, phần viết về châu Nhai có câu: “崖州南有鼇山其巖曰大小洞天” (quyển 57, tờ 3b) [xem phần trích dịch, dưới].

Hách chí, địa đồ toàn tỉnh và các phủ, địa đồ phòng vệ biển... in chung trong quyển 3 [xem Bảng 1].

“Quảng Đông toàn tỉnh tổng đồ / 廣東全省總圖” (quyển 3, tờ 2a-3b). Cực bắc là Mai Quan 梅關 và Đại Dữu Lĩnh 大庾嶺, cực nam là châu Nhai 崖 thuộc phủ Quỳnh Châu 瓊州, cực đông là huyện Nhiêu Bình 饒平 thuộc phủ Triều Châu 潮州, cực tây là cột mốc Phân Mao Lĩnh 分茅嶺.

“Quỳnh Châu phủ cương vực đồ” (quyển 3, tờ 21b-22a), thực tế ở góc trên bên phải tờ 21b thiếu [không có] tiêu đề “Quỳnh Châu phủ cương vực đồ” như địa đồ các phủ khác [lỗi bản khắc], ở góc trên bên trái tờ 22a là hàng chữ “瓊四面環海不載八至 / Quỳnh tứ diện hoàn hải bất tải bát chí” [Quỳnh, biển vòng quanh bốn mặt, không chép tám nơi đến], cực nam là Tuần ty Thông Viễn 通遠巡司 thuộc địa bàn châu Nhai.

“Quảng Đông hải phòng đồ / 廣東海防圖” được thực hiện trên 32 trang (16 tờ, từ tờ 27b-43a), địa đồ này trình bày theo phép liên hoàn, bờ biển thuộc địa phận Quảng Đông nối nhau theo hình chữ nhất [—], tổng đồ bố cực trên là biển dưới là đất liền, không định hướng. Nếu địa thế tương đối

ổn định nam là biển, bắc là đất liền [như từ Trạm Giang đến Nam Áo] thì trên địa đồ sẽ đảo ngược dưới bắc trên nam, đoạn từ Trạm Giang đến Khâm Châu biển vòng ba mặt, phương hướng trên địa đồ có nhiều thay đổi. Bắt đầu từ vùng biển Quỳnh Châu (tờ 27b-28a), châu Nhai được đặt ở phần trên bên phải tờ 28a [trông giống như ở vào hướng bắc], cực nam trên thực địa [cực bắc trên địa đồ] là hai nơi được tiêu danh Tiểu Động Thiên 小洞天 và Đại Động Thiên 大洞天, hai nơi này cũng được ghi nhận trong “Hải phòng chí”: Đại Động Thiên là địa giới châu Nhai; Tiểu Động Thiên là địa giới châu Nhai.⁽⁹⁷⁾ [Quân án: Địa đồ hải phòng này được trình bày trên không gian rộng rãi nhưng tiêu danh thừa thớt, so với “Vạn lý hải phòng đồ” của Trịnh Nhượng Tăng hồi 200 năm trước đó, địa đồ hải phòng trong *Hách chí* có vẻ kém hơn].⁽⁹⁸⁾

Trích dịch các điều mục liên quan

Trích:

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 4a. Hình thắng toàn tỉnh

“形勝

粵東封域東南環海也東自閩之詔安縣界轉而南踰瓊州至西南為安南界則四千里而盈西北皆山也西南自安南銅柱界繞而西為西粵界”

[郝志 - 卷之四, 疆域志, 第四頁前]

Chấm câu và điểm địa danh [qua phiên âm]:⁽⁹⁹⁾

“*Hình thắng*

Việt Đông phong vực, đông nam hoàn hải dã, đông tự Mân chi Chiếu An huyện giới chuyển nhi nam du Quỳnh Châu, chí tây nam vi An Nam giới tắc tứ thiên lý; nhi doanh tây bắc giai sơn dã, tây nam tự An Nam đồng trụ giới nhiều nhi tây vi Tây Việt giới.”

Dịch:

“*Hình thắng*

Bờ cõi tỉnh Quảng Đông, biển ôm vòng phía đông nam, hướng đông từ địa giới huyện Chiếu An tỉnh Phúc Kiến chuyển sang hướng nam qua phủ Quỳnh Châu đến nơi địa giới An Nam ở phía tây nam là bốn ngàn dặm; tiếp qua phía tây bắc đều là núi, từ chỗ trụ đồng địa giới An Nam vòng qua phía tây nam là địa giới tỉnh Quảng Tây.”

Phân tích:

Việt Đông tức Quảng Đông, phong vực tức cương vực / lãnh địa, Mân tức Phúc Kiến, Tây Việt [hoặc Việt Tây] tức Quảng Tây. Đoạn văn này khái quát bờ cõi toàn tỉnh Quảng Đông, về phía bờ biển, ước tổng chiều dài tính từ nơi giáp Phúc Kiến vòng qua đảo Hải Nam vào huyện Khâm Châu nơi giáp biên giới Việt Nam khoảng hai ngàn cây số.

Có thể xảy ra trường hợp chắm câu sai, hoặc trích ngang đoạn, lấy địa danh Quỳnh Châu làm chủ ngữ “Quỳnh Châu chí tây nam vi An Nam giới tắc tứ thiên lý”, khi rơi vào trường hợp này, không gian mặt biển và hải giới sẽ được diễn giải sai.

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 65b-66b. Cương vực phủ Quỳnh Châu.

Trích:

“瓊州府

疆域

瓊州府至省城一千七百里地居海中廣九百七十里袤九百七十五里自雷渡海一日可至瓊為都會居島之北儋居西陲*[君按:原本曰作郵誤]崖居南陲*萬居東陲*內包黎峒萬山峻拔外匝大海遠接外島諸國瓊管*[君按:原本曰筦同音義]古志云外匝大海接烏里蘇密吉浪之州南則占城西則真臘交趾東則千里長沙萬里石塘北至雷州府徐聞縣東至萬州海岸四百九十里西至儋州海岸四百八十里南至崖州海岸九百六十五里北至環海鋪十里東北至文昌縣海岸一百六十里西南至感恩縣海岸八百一十里西北至臨高縣海岸二百八十里東南至陵水縣海岸五百四十里上至京師九千七百一十五里外路由裏海順風五六日達廣州大海放洋者三四日可至東至福建則七八日浙江十三日西至廣州四日自儋州西行二日可達交趾萬寧縣三日可抵斷山雲屯縣崖州南行二日接占城國”

[郝志 - 卷之四, 疆域志, 第六十五頁後至六十六頁後]

Chắm câu:

“*Quỳnh Châu phủ*

Cương vực

Quỳnh Châu phủ chí tỉnh thành nhất thiên thất bách lý, địa cư hải trung, quảng cửu bách thất thập lý, mậu cửu bách thất thập ngũ lý. Tự Lôi độ hải nhất nhật khả chí. Quỳnh vi đô hội cư đảo chí bắc, Đàm cư tây thùy [Quân án: nguyên bản viết bưu, ngộ],⁽¹⁰⁰⁾ Nhai cư nam thùy, Vạn cư đông thùy, nội bao Lê động, vạn sơn tuần bát, ngoại tạp đại hải, viễn tiếp ngoại đảo chư quốc. Quỳnh quần [Quân án: nguyên bản viết quần, đồng âm/ nghĩa]⁽¹⁰¹⁾ cổ chí vân: ngoại tạp đại hải, tiếp Ô Lý, Tô Mật, Cát Lãng chí châu; nam tắc Chiêm Thành; tây tắc Chân Lạp, Giao Chỉ; đông tắc Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc chí Lôi Châu phủ Từ Văn huyện. Đông chí Vạn Châu hải ngạn tứ bách cửu thập lý, tây chí Đàm Châu hải ngạn tứ bách bát thập lý, nam chí Nhai Châu hải ngạn cửu bách lục thập ngũ lý, bắc chí Hoàn Hải Phố thập lý, đông bắc chí Văn Xương huyện hải ngạn nhất bách lục thập lý, tây nam chí Cẩm Ân huyện hải ngạn bát bách nhất thập lý, tây bắc chí Lâm Cao huyện hải ngạn nhị bách bát thập lý, đông nam chí Lăng Thủy huyện hải ngạn ngũ bách tứ thập lý, thượng chí Kinh sư cửu thiên thất bách nhất thập ngũ lý. Ngoại lộ do lý hải thuận phong ngũ lục nhật đạt Quảng Châu, đại hải phóng dương giả tam tứ nhật khả chí, đông chí Phúc Kiến tắc thất bát nhật, Triết Giang thập tam nhật, tây chí Quảng Châu tứ nhật. Tự Đàm Châu tây hành nhị nhật khả đạt Giao Chỉ Vạn Ninh huyện, tam nhật khả để Đoán Sơn Vân Đồn huyện. Nhai Châu nam hành nhị nhật tiếp Chiêm Thành quốc”

Dịch:

“Cương vực

Phủ Quỳnh Châu đến tỉnh thành [Quảng Châu] 1.700 dặm, ở trong biển, từ đông sang tây 970 dặm, từ bắc xuống nam 975 dặm. Từ phủ Lôi Châu qua biển một ngày thì tới. Quỳnh Châu là nơi đô hội ở phía bắc đảo, châu Đam ở rìa tây, châu Nhai ở rìa nam, châu Vạn ở rìa đông, ôm động Lê ở giữa, núi non trùng điệp hùng vĩ, biển lớn vòng bên ngoài, phía xa tiếp giới những đảo ngoài của các nước. Sách *Quỳnh quần chí* xưa viết rằng: biển lớn vòng bên ngoài, tiếp các châu Ô Lý, Tô Mộc, Cát Lãng; nam là Chiêm Thành; tây là Chân Lạp, Giao Chỉ; đông là Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường; bắc đến huyện Từ Văn phủ Lôi Châu. [Từ phủ lý] đông đến bờ biển châu Vạn 490 dặm, tây đến bờ biển châu Đam 480 dặm, nam đến bờ biển châu Nhai 965 dặm,⁽¹⁰²⁾ bắc đến Hoàn Hải Phố 10 dặm; [Từ phủ lý] phía đông bắc đến bờ biển huyện Văn Xương 160 dặm, phía tây nam đến bờ biển huyện Cẩm Ân 810 dặm, phía tây bắc đến bờ biển huyện Lâm Cao 280 dặm, phía đông nam đến bờ biển huyện Lăng Thủy 540 dặm, lên Kinh sư 9.715 dặm. Đường bên ngoài phủ: theo đường biển bên trong gặp gió thuận 5, 6 ngày tới Quảng Châu còn băng qua biển lớn bên ngoài thì 3, 4 ngày có thể tới; theo hướng đông 7, 8 ngày tới Phúc Kiến, 13 ngày tới Triết Giang; theo hướng tây 4 ngày tới Quảng Châu. Từ châu Đam theo hướng tây 2 ngày tới huyện Vạn Ninh [nước] Giao Chỉ, 3 ngày tới Đoán [Đoạn] Sơn huyện Vân Đồn. Từ châu Nhai theo hướng nam 2 ngày tiếp giới nước Chiêm Thành.

Hách chí, quyển 4, Cương vực chí, tờ 71a-72a. Hình thặng phủ Quỳnh Châu.

Trích:

“瓊州府

形勝

瓊以海為界地饒食貨黎峒介峙郡邑環之瓊山都會之區土壤平衍前瞰清流後連碧海...萬州三曲水環泮宮六連山障州治千里長沙萬里石塘煙波隱見陵水週錄為禱雨之嶺雙女成迴瀾之淪嶼海波洶湧響答聲山...”

[郝志 - 卷之四, 疆域志, 第七十一頁前至七十二頁前]

Chấm câu:

“*Quỳnh Châu phủ*

Hình thặng

Quỳnh dĩ hải vi giới, địa nhiều thực hóa, Lê động giới trĩ, quận áp hoàn chi. Quỳnh Sơn đô hội chi khu, thổ nhượng bình diễn, tiền khám thanh lưu, hậu liên bích hải... Vạn Châu Tam Khúc Thủy hoàn phán cung, Lục Liên Sơn chương châu trị, thiên lý Trường Sa, vạn lý Thạch Đường, yên ba ẩn kiến. Lăng Thủy Chu Lục vi đảo vũ chi lĩnh, Song Nữ thành hồi lan chi du dư, hải ba hung dũng, hưởng đáp Thanh Sơn...”

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu

Hình thắng

Quỳnh Châu lấy biển làm biên, được đất tốt làm nền kinh tế, động Lê riêng cõi, thành trấn vây quanh. Huyện Quỳnh Sơn là nơi đô hội, địa thế bằng phẳng, trước nhìn xuống dòng xanh, sau dựa vào biển biếc... Vạn Châu sông Tam Khúc lượn quanh nhà học, núi Lục Liên che chắn nha môn, Trường Sa ngàn dặm, Thạch Đường vạn dặm, ẩn hiện trong khói sóng. Huyện Lăng Thủy có núi Chu Lục là nơi cầu mưa, hòn Song Nữ sóng vờn quanh quần, biển cả âm ào, đáp tiếng vọng từ đảo Thanh Sơn...”

Phân tích:

Đây là đoạn văn trích từ bài Tán mở đầu cho mục Hình thắng, thể biên ngẫu, nặng chất văn, nhằm ca tụng quang cảnh thiên nhiên, hàm nghĩa “tổng quát Quỳnh quận biệt khai tuyệt đảo”. Hầu hết các danh thắng được nói đến đều là những nơi đến được, thấy được, Tam Khúc Thủy còn gọi Nam Độ Khê hoặc gọi Đại Khê Thủy cách phía nam trị sở Vạn Châu 7 dặm, là một nhánh của Thích Dung Hà 踢容河, núi Lục Liên cách phía bắc châu trị 60 dặm làm nơi tựa lưng cho phủ thành; núi Chu Lục cách huyện lý Lăng Thủy 10 dặm về phía đông, gần cảng Thủy Khẩu, hòn Song Nữ ở ngoài khơi cửa cảng, hòn Thanh Sơn xa ra biển 30 dặm. Riêng hai nơi được gọi “thiên lý Trường Sa” và “vạn lý Thạch Đường” trong đoạn văn này hình như chỉ mang tính văn liệu nhằm tạo chất giọng hoành tráng bổ trợ cho các danh thắng khác. Nếu thực có bãi cát, ngấn đá “ẩn hiện trong khói sóng” thuộc vùng biển Vạn Châu, thì đó là những nơi gần bờ biển, trong tầm mắt và chúng đang được diễn tả bằng mỹ từ ước lệ.

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 61b. Châu Vạn.

Trích:

“萬州 - 山川

長沙海石塘海俱在城東海外洋古志云萬州有千里長沙萬里石塘然俱在外海莫稽其實”

[郝志 - 卷之十三, 山川志 - 四, 第六十一頁後]

Chấm câu:

“Vạn Châu

Sơn xuyên

Trường Sa hải - Thạch Đường hải, câu tại thành đông, hải ngoại dương, cổ chí vân: ‘Vạn Châu hữu Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhiên câu tại ngoại hải, mạc kê kỳ thực”

Dịch:

“Châu Vạn

Núi sông

Biển Trường Sa - biển Thạch Đường, đều ở phía đông trị sở châu, nơi đại dương bên ngoài biển, phương chí xưa viết rằng: ‘Châu Vạn có Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường’, nhưng đều ở biển ngoài, không xét rõ sự thật được”

Phân tích:

Trong mục Sơn xuyên, phần châu Vạn, riêng vùng châu trị [không kể các huyện] điếm qua 20 danh sơn, 5 dòng sông lớn, 3 cửa cảng, 1 vịnh biển, khoảng cách và phương hướng từ châu trị đến các nơi ấy đều cụ thể. Trường hợp “biển Trường Sa - biển Thạch Đường” được chép sau cùng, như chỉ nhằm lưu giữ một truyền thuyết, kết luận của những người biên soạn Hách chí cho thấy đến thời điểm 1731, biển Trường Sa - biển Thạch Đường vẫn là nơi “biển ngoài/ngoại hải” và cũng nằm ngoài sự hiểu biết của họ. Cũng cần nói thêm về thông lệ biên soạn phương chí, thường các tác giả biên soạn sau sẽ trích dẫn những thông tin từ các sách trước, kể đến là cập nhật thêm thông tin đương thời hoặc đính chính các sai lầm của người trước về đối tượng được đề cập, thí dụ [cùng nguồn, cùng viết về châu Vạn]: “Nam cảng, cách trị sở châu 30 dặm về phía đông nam. Thông chí cũ viết là cách 150 dặm về phía đông, lầm”.

Hách chí, quyển 9, Hải phòng chí, tờ 1a-6a.

Trích:

“海防 - 形勢

衝要 自瓊州樂會縣接安南界起

大洞天 崖州界.

小洞天 崖州界

雙洲門 陵水縣界

潤洲 錦囊所界

...[君注, 全目共載六十二處, 摘錄四處]*

共計五千里抵福建”

[郝志 - 卷之九, 海防志, 第一頁前至六頁前]

Dịch:

“Hải phòng - Hình thắng

[Các nơi] Xung yếu, bắt đầu từ huyện Lạc Hội Quỳnh Châu nơi tiếp giới An Nam [gồm các nơi]:

Đại Động Thiên, giáp giới châu Nhai Châu [với An Nam]

Tiểu Động Thiên, giáp giới châu Nhai Châu [với An Nam]

Song Châu Môn, giáp giới huyện Lăng Thủy [với An Nam]

Vì Châu, giáp giới sở Cẩm Nang [với An Nam]

...[Quân chú, toàn mục cộng chép 62 nơi, trích lục 4 nơi]...

Tính chung năm ngàn dặm đến Phúc Kiến.

Phân tích:

Trong “Hải phòng chí” mục Hình thắng trích dịch trên đây gồm 2 phần nội dung, phần đầu mô tả hải lộ với ba đường Đông lộ, Trung lộ, Tây

lộ lấy điểm mốc từ Quảng Châu ra biển; phần sau là liệt kê 62 nơi xung yếu trên vùng biển thuộc Quảng Đông, từ nơi giáp giới biển An Nam đến địa giới tỉnh Phúc Kiến. Trong 62 nơi này có 4 nơi giáp giới An Nam [đã trích dịch], chúng đều được tiêu danh trên địa đồ “Quảng Đông hải phòng đồ” (quyển 3, tờ 27b-43a) [xem phần Khảo sát địa đồ, trên]. Đại, Tiểu Động Thiên trên đỉnh núi Thí Kiếm Phong ven biển. Song Châu Môn cách trị sở Nhai Châu về phía đông 80 dặm, ngoài biển, qua phía đông giáp giới huyện Lăng Thủy và châu Nhai, xuống phía nam giáp giới biển An Nam. Đảo Vi Châu 潤洲, còn gọi Đại Bồng Lai 大蓬萊 [nay thuộc Quảng Tây] ở phía nam phủ Liêm Châu, phía tây phủ Lô Châu, trong khoảng 109 độ kinh đông, 21 độ vĩ bắc. Về hệ thống quân sự, Vi Châu là địa bàn trú đóng thủy quân của sở Cẩm Nang, một trong năm sở [đồn biên phòng] thuộc vệ Lô Châu.

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 64b-66b. Châu Nhai

Trích:

“崖州 - 山川

南山嶺在城南十里亦名南山高二十丈元王士熙名曰鰲*[君按:各志作鰲]山上有萬仞泉泉出石穴清冷可掬試劍峰在城南二十里海濱山有巨石高二丈餘宋毛奎題小洞天三字刻石上南有石臨海題曰釣臺又東為大洞天有石室題曰海山奇觀旁有石題曰仙梯雙洲門在城東八十里雙洲對峙狀如兩扉大小玳瑁洲大洲在東海中洲在西海中”

[郝志 - 卷之十三, 山川志 - 四, 第六十四頁後至六十六頁後]

Dịch:

“Châu Nhai - Núi sông

Nam Sơn Lĩnh cách phía nam trị sở châu 10 dặm, còn gọi Nam Sơn, cao 20 trượng. Vương Sĩ Hy thời Nguyên đặt tên Ngao Sơn [Quân chú, các chí viết Ngao bộ Mãnh 𪔐, *Hách chí* viết Ngao bộ Ngư 魚], trên có thác Vạn Nhận, thác bung ra từ hang đá, nước trong mát có thể vốc [uống].

Vạn Nhận Phong cách phía nam trị sở châu 20 dặm, sát biển, núi này có khối đá lớn cao hơn 2 trượng, người thời Tống là Mao Khuê viết ba chữ “Tiểu Động Thiên” khắc lên đó, phía nam có khối đá vươn ra biển viết chữ “Điều Đài” [chỗ ngồi câu], lại phía đông là Đại Động Thiên có khối đá viết chữ “Hải Sơn Kỳ Quan”, bên cạnh có khối đá viết chữ “Tiên Thê” [thang tiên].

Song Châu Môn cách phía đông trị sở châu 80 dặm, hai bãi đối nhau giống như hai cánh cửa.

Đại Tiểu Đại Mạo Châu, Đại Châu ở phía đông, trong biển, Tiểu Châu ở phía tây, trong biển.”

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 3b.

Trích:

“瓊州府 - 圖經

崖州南有鰲山其巖曰大小洞天”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 - 第四十四, 第三頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu - Đồ kinh

Phía nam châu Nhai có Ngao Sơn, có hang gọi Đại Tiểu Động Thiên.”

Phân tích:

Đồ kinh trong Quách chí nhằm lẫn, Ngao Sơn tức Nam Sơn, từ đây về phía nam thêm 10 dặm mới đến vùng núi Thí Kiếm Phong [Vạn Nhận Phong, Điều Đài Sơn] nơi có hang Đại Tiểu Động Thiên.

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 18a-b.

Trích:

“瓊州府 - 山川

崖州南十里曰南山其上有萬仞泉壁立海偏為洲屏障石穴出清冷可掬 二十里曰釣臺山峯頂有石船長丈餘中闊四尺中有試劍峯其巖曰大小洞天”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 - 第四十四, 第十八頁]

Dịch:

“Quỳnh Châu phủ - Sơn xuyên

Châu Nhai, cách về phía nam 10 dặm là Nam Sơn, trên có thác Vạn Nhận, như bức vách bên bờ biển, làm bình phong cho châu, có hang đá bung ra dòng nước trong mát có thể vốc uống, cách về phía nam 20 dặm là Điều Đài Sơn, đỉnh có phiến đá hình thuyền dài hơn trượng, trong rộng bốn thước, trong là Thí Kiếm Phong có hang gọi Đại Tiểu Động Thiên.”

Phân tích:

Đoạn này Quách chí chép đúng về vị trí Đại Tiểu Động Thiên, tức đã chép khác đi so với mục Đồ kinh.

Quách chí, quyển 57, Quận huyện chí 44, tờ 14b. Quỳnh Châu phủ

Trích:

“瓊州府 - 山川

文昌縣北一百五十里曰七星山其下七星之泉出焉 在大海中峯連有七一名七洲洋山下出淡泉航海者必於取水採薪其東七星泉晝夜混混不涸”

[郭志, 卷之五十七, 郡縣志 - 第四十四, 第十四頁後]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu - Núi sông

Huyện Văn Xương, cách về phía bắc huyện lý 150 dặm là Thất Tinh Sơn, dưới là nơi bung ra thác Thất Tinh, ở trong biển lớn, bảy ngọn liên nhau, còn có một tên là Thất Châu Dương Sơn, dưới có suối nước ngọt, người đi biển thường ghé lấy củ lấy nước, ở phía đông, thác Thất Tinh đổ ào ào ngày đêm không dứt.”

Hách chí, quyển 13, Sơn xuyên chí 4, tờ 41b. Huyện Văn Xương

Trích:

“文昌縣 - 山川

七星山在城西北一百五十里各舊志在城東誤臨海高五百丈七峰如七星連珠亦名七洲洋山明天啟時建塔於上”

[郝志 - 卷之十三, 山川志 - 四, 第四十一頁後]

Dịch:

“Huyện Văn Xương - Núi sông

Thất Tinh Sơn cách phía tây bắc huyện lỵ 150 dặm, các thông chí cũ nói ở phía đông huyện lỵ, lằm, ra ngoài biển, cao 500 trượng, bảy ngọn như bảy vì sao liên như chuỗi ngọc, còn có tên Thất Châu Dương Sơn, trong niên hiệu Thiên Khải nhà Minh, dựng tháp trên đó.”

Quách chí, quyển 72, Ngoại chí 7, Tập lục-Hạ, tờ 27a.

Trích:

“瓊州府

極外 交廣二州記珠崖在大海中南極之外吳時復置太守住徐聞縣遙撫之”

[郭志, 卷之七十二, 外志七, 雜錄下, 第二十七頁前]

Dịch:

“Phủ Quỳnh Châu

Xứ ngoài cùng, sách *Giao Quảng nhị châu ký* [viết]⁽¹⁰³⁾ Châu Nhai ở trong biển, ngoài cùng phía nam, thời Ngô đặt lại chức Thái thú [nhưng] trú ở huyện Từ Văn mà quản lý từ xa.”

Nhận xét

Trải qua hai thời Minh-Thanh, hai bộ thông chí tiêu biểu đã trích dịch trên đây cho thấy các địa đồ thể hiện cương vực tỉnh Quảng Đông về phía biển nam chỉ đến hết phần đất châu Nhai. Các địa danh nơi địa đầu được ghi nhận có chỗ giản lược có chỗ chi tiết, nhưng đều có sự tương quan và bổ túc cho nhau. Phối hợp các ghi chép về cương vực, hình thặng và sơn xuyên có thể thấy rằng núi cao ven biển cực nam là Thập Kiếm Phong/Điếu Đài Sơn, nơi có kỳ quan Đại, Tiểu Động Thiên cách châu trị 20 dặm về phía nam, đảo ngoài khơi là Đại, Tiểu Đại Mạo Châu và Song Châu Môn cách châu trị không xa lắm về phía nam, với những con số dặm đường khá cụ thể. Phối hợp khảo sát thêm “Vạn lý hải phòng đồ” của Trịnh Nhượng Tăng thời Minh Gia Tĩnh hồi hơn 100 năm trước và “Quảng Đông dư địa tổng đồ”⁽¹⁰⁴⁾ trong thông chí của Nguyễn Nguyên gần 100 năm sau - thời điểm hai bộ thông chí đang xét - sẽ thấy rằng cương vực tổng thể tỉnh Quảng Đông trong 400 năm không có gì thay đổi.

Xuyên suốt các thông chí, địa danh Thất Tinh Sơn hoặc gọi Thất Châu Dương Sơn đều được xác định là nơi ở biển phía đông hoặc tây bắc huyện Văn Xương, cách huyện lỵ khoảng hơn 50 cây số hoặc 75 cây số, tùy theo cách chép của từng chí.

Biển Trường Sa, biển Thạch Đường hay Thiên Lý Trường Sa, Vạn Lý Thạch Đường được nhắc đến với lời kết luận rất rõ của những người biên soạn thông chí rằng, đó là nơi có ghi trong cổ chí nhưng trên thực tế không biết chúng ở nơi nào.

(Het phan Thông chí)

Gò Vấp tháng 2/2011, Phú Nhuận tháng 7/2011

P H Q

CHÚ THÍCH

- (81) *Hoa Dương quốc chí, 12 quyển* (Đồng Tấn), Thường Cừ soạn, bản in trong *Tứ bộ bị yếu*, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
- (82) Vương Mô. *Hán Đường địa lý thư sao*, phần sưu lục *Quảng Châu ký* của Bùi Uyên, tr. 366-371; *Thập tứ châu ký* của Hoàng Cung, tr. 151-152, bản in chụp của Trung Hoa thư cục, 1961.
- (83) Bộ *Quảng Đông thông chí sơ thảo* này tôi chưa tìm được để khảo sát trực tiếp, ở đây ghi nhận theo lời của Nguyễn Nguyên trong bài Biểu dâng sách *Quảng Đông thông chí 334 quyển* đề năm Đạo Quang thứ 2 (1822). Trong bài Biểu dâng sách của lần biên soạn bộ thông chí tỉnh Quảng Đông sau cùng thời nhà Thanh này, Nguyễn Nguyên đã nhắc tới 5 bộ thông chí được biên soạn trước đó, [Quyển thủ, Tự, tờ 3, bản in *Quảng Đông thông chí 334 quyển*, Nguyễn Nguyên, Đài Bắc 1959]; Bộ *Quảng Đông thông chí sơ thảo 41 quyển* cũng thấy ghi tên sách trong *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 107.
- (84) Theo Nguyễn Nguyên [chú thích 83] và *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108. Trong *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên* (1988), nhóm Hàn Chấn Hoa trích dẫn các điều mục liên quan trong bản in mộc bản năm Gia Tĩnh thứ 37 (1558). Theo thư mục tham khảo của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* (1995), thấy có bản in năm Gia Tĩnh thứ 40 (1561).
- (85) Theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, sdd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108.
- (86) Đây là bộ tôi trực tiếp khảo sát, bộ này nguyên của thư viện tư gia họ Tá Bá [theo ấn “Tá Bá văn khố / 佐伯文庫” ở tờ đầu quyển Thủ], hiện nay được giữ tại Thư viện Đại học Waseda, KH: 凡5- 1508 (71 quyển, đóng thành 32 cuốn). Theo *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục* ghi nhận, thì bộ này 72 quyển, và hiện chỉ còn 10 quyển [là các quyển 23, 37-38, 45-47, 55-56, 68-69], sdd, Sử bộ, Địa lý loại, cuốn 5, quyển 10, tờ 108. Theo thư mục của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập* (1995), thấy có bản khắc in năm Vạn Lịch thứ 30 (1602).
- (87) Lưu Bình Quyển, Tuần phủ Quảng Đông từ năm Khang Hy thứ 7 (1668) đến năm Khang Hy thứ 14 (1675) mất tại nhiệm sở. [Theo *Thanh sử cảo*, quyển 201, Niên biểu các quan ở biên cương 5, Biểu 41. Bản in Trung Hoa thư cục (THTC) cuốn 25, tr. 7.521].
- (88) Theo Nguyễn Nguyên [chú thích 83], bộ này chỉ thấy Nguyễn Nguyên nhắc đến, không thấy các tác giả hiện đại dẫn, cũng không thấy tên sách trong *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục*, cũng không thấy tên sách trong *Tăng đính tứ khố giản minh mục lục tiêu chú*, sdd.
- (89) Kim Quang Tổ, Tuần phủ Quảng Tây từ năm Khang Hy thứ 4 (1665) đến năm Khang Hy thứ 9 (1670) [Thanh sử cảo, sdd, Biểu 41], từ năm 1670 thăng Tổng đốc Lương Quảng đến năm Khang Hy thứ 20 (1681) [Thanh sử cảo, quyển 197, Biểu 37. Bản THTC, cuốn 24, tr. 7.114].
- (90) Nhóm Hàn Chấn Hoa và nhóm Trần Sử Kiên [trong *Nam Hải chư đảo địa danh tư liệu hồi biên*, 1987] đều có trích dẫn, cũng thấy trong thư mục tham khảo của nhóm Tư Đồ Thượng Kỳ [trong *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập*]. Lời Tựa của Nguyễn Nguyên không nhắc đến bộ này.
- (91) Hách Ngọc Lâm, Tổng đốc Quảng Đông từ tháng 3 năm Ung Chính thứ 7 (1729) đến tháng 2 năm Ung Chính thứ 10 (1732) [Thanh sử cảo, quyển 197, Biểu 37. Bản THTC, cuốn 24, tr. 7.174]. Mục “Đề yếu *Quảng Đông thông chí 64 quyển*” trong *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục* (1919) và *Tăng đính tứ khố giản minh mục lục tiêu chú* [sdd] viết Hách Ngọc Lâm là Tuần phủ. Tuy nhiên, trong quyển Thủ của bộ *Quảng Đông thông chí* này, mục Danh sách quan viên tu soạn chép là “Tổng tài, Quảng Đông Tổng đốc, thần, Hách Ngọc Lâm”, trong lời Cẩn án khi đưa bộ này vào Tứ khố toàn thư, nhóm Kỷ Quân [Hiếu Lam] cũng viết “Quốc triều Tổng đốc Quảng Đông...”.
- (92) Đây là bộ tôi dùng để khảo sát, nguồn từ bản Văn Uyên Các-Tứ khố toàn thư.
- (93) *Tăng đính tứ khố giản minh mục lục tiêu chú*, sdd, ghi sai là 330 quyển (tr. 297).

- (94) Về sau bộ này lại được khắc in vào năm Đồng Trị thứ 3 (1864), năm Dân Quốc 23 (1934) Thượng Hải thương vụ ấn thư quán in chụp lại từ bản Đồng Trị, năm 1959 Đài Loan thương vụ ấn thư quán tái bản.
- (95) Khi nhập một bộ sách nào đó vào Tứ khố toàn thư, các quan Tổng toàn quán và Tổng hiệu phải viết lời Đề yếu hoặc Cẩn án. Lời Cẩn án cho bộ của Hách Ngọc Lân có nhắc đến bốn bộ thông chí Quảng Đông thời Minh, gồm của Đối Cảnh, Quách Phi, Tạ Triệu Chiết và Trương Văn Dực. [Bản Văn Uyên Các, quyển Thủ, tờ 9].
- (96) Vì chỉ tập trung cho chủ đề bài viết, nên trong bảng Mục lục đối chiếu này tôi không chép phân mục cho nhiều quyển, trông mất cân đối, sẽ bổ túc vào một dịp khác.
- (97) Xem nguyên văn ở phần trích dịch *Hách chí* quyển 9, quyển 13; *Quách chí*, quyển 57, mục Sơn xuyên, Nhai Châu, viết: “Về phía nam châu 20 dặm là Điều Đài Sơn, trên đỉnh có phiến đá như chiếc thuyền dài hơn một trượng, bên trong rộng bốn thước, có vết như nhát kiếm, hang này gọi là Đại Tiểu Động Thiên.
- (98) “Vạn lý hải phòng đồ” in trong *Vạn lý hải phòng đồ luận* do Trịnh Nhuộc Tăng soạn vẽ, trong thời Minh Gia Tĩnh (1522-1566), phần biển Quảng Đông 11 tờ (22 trang), tuy số trang ít hơn địa đồ *Hách chí* nhưng tiêu danh nhiều hơn, nhất là khu vực Quỳnh Châu. Xem *Trịnh Khai Dương tập trữ 11 quyển*, bản Văn Uyên Các Tứ khố toàn thư.
- (99) Nguyên văn hầu hết các sách phương chí mà tôi tham khảo đều không chấm câu, không điểm danh từ riêng, nên đối với những đoạn quan trọng, tôi chấm câu và điểm danh qua phiên âm, mong độc giả trợ giúp kiểm tra bản dịch và góp ý để hiệu chỉnh.
- (100) Nguyên văn viết Bưu 郵, do sai từ bộ Phụ ra bộ Ấp, *Quỳnh Châu phủ chí* viết là Thùỵ 陬, xét thấy đúng nghĩa, căn cứ *Pủ chí* đối là Thùỵ.
- (101) Quản 管 và Quản 筭 đồng âm đồng nghĩa, *Dư địa kỷ thắng* và *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí* đều viết 管.
- (102) *Đại Minh nhất thống chí* chép: “Từ phủ lý Quỳnh Châu về nam 1.110 dặm đến lý sở châu Nhai”, hai con số chênh lệch khá xa. *Hách chí* chép đoạn đường từ phủ lý đến tận bờ biển cực nam, tức vượt qua lý sở châu Nhai thêm 20 dặm, mà con số chỉ có 965 dặm. Hai sách chép lệch nhau 165 dặm.
- (103) *Giao Quảng nhị châu ký*, còn gọi *Giao Quảng nhị châu xuân thu*, Vương Phạm 王範 soạn, sách đã mất, *Quách chí* có lưu tên sách này trong quyển 63, Nghệ văn chí. *Thái Bình ngự lãm* [Tổng] còn lưu được một số điều mục từ sách này.
- (104) Trung Hoa tùng thư. *Quảng Đông thông chí* (4 cuốn), Trung Hoa tùng thư biên thẩm ủy viên hội xuất bản, in chụp từ bản Nguyễn Nguyên, *Quảng Đông thông chí 334 quyển*, Đài Bắc, 1959. Địa đồ “Quảng Đông dư địa tổng đồ”, quyển 83, *Dư địa lược* 1, trang 1.434-1.435.

THƯ MỤC THAM KHẢO

Đồ tịch cổ đại

1. *Thập tam kinh chú số, phụ Hiệu khám ký, 416 quyển* (Thanh), Nguyễn Nguyên hiệu khắc, Trung Hoa thư cục ảnh ấn bản, 1979 (2 cuốn).
十三經注疏附校勘記, 四百十六卷(清), 阮元校刻, 中華書局影印 1979 (上下二巨冊).
2. *Nguyên Hòa quận huyện đồ chí, 34 quyển* (Đường), Lý Cát Phủ soạn, bản Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880).
元和郡縣圖志, 三十四卷(唐), 李吉甫撰, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.
3. *Nguyên Hòa quận huyện bổ chí, 9 quyển* (Thanh), Nghiêm Quan-Nghiêm Tiến Phủ tục soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882).
元和郡縣補志, 九卷(清), 嚴觀-嚴進甫撰, 光緒八年二月, 金陵書局刊行.
4. *Thái Bình hoàn vũ ký, 193 quyển* (Tống), Nhạc Sử soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882); bản in Vạn Đình Lan, Gia Khánh bát niên (1803).
太平寰宇記, 一百九十三卷(宋), 樂史撰, 光緒八年五月金陵書局刊行; 萬廷蘭本, 嘉慶八年.

5. *Nguyên Phong cửu vực chí, 10 quyển* (Tống), Vương Tôn soạn, bản in Kim Lăng thư cục, Quang Tự bát niên (1882).
元豐九域志, 十卷(宋), 王存撰, 光緒八年五月, 金陵書局刊行.
6. *Dư địa quảng ký, 38 quyển* (Tống), Âu Dương Văn soạn, Kim Lăng thư cục hiệu san, Quang Tự lục niên (1880).
輿地廣記, 三十八卷(宋), 歐陽忞撰, 金陵書局校刊, 光緒六年工竣.
7. *Dư địa kỷ thắng, 169 quyển* (Tống), Vương Tượng Chi soạn, bản in Cụ Doanh Trai, theo bản sao thời Tống của Văn Tuyển Lâu, năm Đạo Quang thứ 29 (1849).
輿地紀勝, 一百六十九卷(宋), 王象之撰, 道光二十九年秋八月, 懼盈齋刊板文選樓影宋鈔本.
8. *Phường dư thắng lãm, 70 quyển* (Tống), Chúc Mục soạn, bản Văn Uyên Các-Tứ khổ toàn thư, năm Càn Long thứ 43 (1778).
方輿勝覽, 七十卷(宋), 祝穆撰, 四庫全書文淵閣本[乾隆四十三年進入].
9. *Thiên hạ nhất thống chí, 91 quyển* (Minh), Lý Hiền chủ biên, bản in khắc Vạn Thọ Đường, năm Thiên Thuận thứ 5 (1461).
天下一統志, 九十一卷(明), 李賢等撰, 天順五年, 萬壽堂刊行.
10. *Quảng Đông thông chí, 72 quyển, 1 quyển Thủ* (Minh), Quách Phỉ soạn, lời tựa đề năm Vạn Lịch Nhâm Dần (1602), khắc in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619).
廣東通志, 七十二卷首一卷(明), 郭斐撰, 序題萬曆壬寅, 萬曆間刊行.
11. *Hoàng Minh nhất thống kỷ yếu, 15 quyển* (Minh), Cổ Sung soạn, Diệp Cận Sơn san hành, bản in trong niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619).
皇明一統紀要, 十五卷(明), 顧充撰, 葉近山刊行, 萬曆新科.
12. *Quảng dư ký, 25 quyển* (Minh), Lục Ứng Dương soạn - (Thanh) Sái Phương Bính tăng bổ, bản in năm Khang Hy Bính Dần (1686).
廣輿記, 二十五卷(明), 陸應陽撰-(清)蔡芳炳曾補, 康熙丙寅刊版.
13. *Quảng Đông thông chí, 64 quyển, 1 quyển Thủ* (Thanh), Hách Ngọc Lân chủ biên, làm xong năm Ung Chính thứ 9 (1731), nhập Tứ khổ toàn thư năm Càn Long thứ 46 (1781).
廣東通志, 六十四卷首一卷(清), 郝玉麟監修, 雍正九年成, 乾隆四十六年進入四庫全書.
14. *Khâm định Đại Thanh nhất thống chí, 424 quyển, mục lục 2 quyển* (Thanh), Hòa Thân chủ biên (1763), bản Văn Uyên Các-Tứ khổ toàn thư (1784).
欽定大清一統志, 四百二十四卷, 和珅監修(乾隆二十八年), 四庫全書文淵閣本(乾隆四十九年).
15. *Gia Khánh trùng tu nhất thống chí, 560 quyển*, Mục Chương A-Lý Tá Hiền chủ biên, Đạo Quang năm thứ 22 (1842). Bản ảnh ấn Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1966 (11 cuốn) [tái bản từ bản Thượng Hải thương vụ ấn thư quán 1934, nguyên bản do Thanh Sử Quán lưu trữ].
嘉慶重修一統志, 五百六十卷, 穆彰阿-李佐賢監修, 道光二十二年. 臺灣商務印書館影印本, 1966 (11 巨冊).
16. *Quảng Đông thông chí, 334 quyển* (Thanh), Nguyễn Nguyên giám tu, Trần Xương Tê tổng toàn, khắc in lần đầu năm Đạo Quang thứ 2 (1822), Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1959 (4 cuốn).
廣東通志, 三百三十四卷(清), 阮元監修, 陳昌齊總纂, 道光二年一次刻版. 臺灣中華書局印行, 1959 (四冊).
17. *Quỳnh Châu phủ chí, 44 quyển*, Long Bản bổ san, Quang Tự thứ 16 (1890), Lữ Đài Hải Nam đồng hương hội ảnh ấn bản, không ghi năm (5 cuốn).
瓊州府志(四十四卷), 隆斌補刊, 光緒十六年, 旅臺海南同鄉會影印版(五冊).
18. *Hán Đường địa lý thư sao* (Thanh), Vương Mô tập, Trung Hoa thư cục ảnh ấn, Bắc Kinh, 1961.
漢唐地理書鈔(清), 王謨輯, 中華書局影印, 北京, 1961
19. *Đôn Hoàng thạch thất địa chí tàn quyển khảo thích*, Trung Hoa học thuật tàng thư, Vương Trọng Lạc trứ, Trịnh Nghi Tú chỉnh lý, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1993.
敦煌石室地志殘卷考釋, 中華學術叢書, 王仲榮著-鄭宜秀整理, 上海古籍出版社, 1993.

20. *Hoa Dương quốc chí, 12 quyển* (Tấn), Thường Cừ soạn, bản in Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
華陽國志, 十二卷(晉), 常璩撰, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.
21. *Võ bị chí, 240 quyển* (Minh), Mao Nguyên Nghi soạn, bản in Đại Bản thư phòng (Nhật Bản) trong niên hiệu Khoan Chính (1789-1800). [Tham khảo các quyển 189-203: Phương dư, quyển 209-218: Hải phòng].
武備志, 二百四十卷(明), 茅元儀輯, 日本寛政重脩, 大阪書坊印版.
22. *Lĩnh Hải dư đồ* (Minh), Diêu Ngu soạn, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1937, [Lĩnh Hải là biệt danh của Quảng Đông].
嶺海輿圖(明), 姚虞撰, 商務印書館, 上海, 1937.
23. *Quảng Đông tân ngữ, 28 quyển* (Thanh), Khuất Đại Quân soạn, bản in Mộc Thiên Các năm Khang Hy thứ 39 (1700).
廣東新語, 二十八卷(清初), 屈大均撰, 康熙庚辰, 木天閣刻本 (1700).
24. *Quảng Đông khảo cổ tập yếu, 46 quyển* (Thanh), Châu Quảng-Trịnh Nghiệp Hoàng-Trịnh Nghiệp Sùng-Nguy Hằng tập, Hoàn Độc thư ốc san hành, năm Quang Tự thứ 19 (1893).
廣東攷古輯要, 四十六卷(清), 周廣-鄭業煌-鄭業崇-魏恆同輯, 光緒十九年癸巳歲春開雕, 藏板還讀書屋.
25. *Trịnh Khai Dương tạp trú, 11 quyển* (Minh), Trịnh Nhược Tăng soạn, bản Văn Uyên Các-Tứ khố toàn thư, năm Càn Long thứ 46 (1781).
鄭開陽雜著, 十一卷(明), 鄭若曾撰, 四庫全書文淵閣本(乾隆四十六年).
26. *Lịch đại châu vực hình thế, 9 quyển* (Thanh), Cố Tổ Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973.
歷代州域 形勢, 九卷(清), 顧祖禹撰, 樂天出版社, 臺北, 1973.
27. *Độc sử phương dư kỷ yếu, 130 quyển; Dư đồ yếu lãm, 4 quyển* (Thanh), Cố Tổ Vũ soạn, Lạc Thiên xuất bản xã, Đài Bắc, 1973 (6 cuốn).
讀史方輿紀要, 一百三十卷-輿圖要覽, 四卷(清), 顧祖禹撰, 樂天出版社, 臺北, 1973 (六冊).
28. *Lịch đại diên cách đồ* (Thanh), Mã Trung Lân, bản in Kim Lăng Hoài Ninh phương nguyệt thự, Đồng Trị năm thứ 10 (1871).
歷代沿革圖(清), 馬徵麟撰, 同治十年刻于金陵懷寧方珩署檢.
29. *Hoàng triều trung ngoại nhất thống dư đồ, [bản tâm sách đề Đại Thanh nhất thống dư đồ] quyển Thủ, quyển Trung, 10 quyển Nam, 20 quyển Bắc*, Nghiêm Thụ Sâm soạn, Đồng Trị nhị niên (1863), Hồ Bắc phủ thự Cảnh Hoàn lâu khắc in và giữ bản khắc.
皇朝中外壹統輿圖, 三十一卷, 首一卷, 光祿大夫振威將軍兵部侍郎嚴樹森撰, 同治二年鐫, 板藏湖北撫署景桓樓.
30. *Càn Long phủ sảnh châu huyện đồ chí, 50 quyển* (1788), Hồng Lượng Cát soạn, Quang Tự ngũ niên (1879), Thọ Kinh Đường trùng san.
乾隆府廳州縣圖志, 五十卷(清), 洪亮吉撰, 道光緒五季春授經堂重刊.
31. *Lịch đại cương vực biểu* (Thanh), Đoàn Trường Cơ, trong Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
歷代疆域表(清), 段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.
32. *Lịch đại diên cách biểu* (Thanh), Đoàn Trường Cơ, trong Tứ bộ bị yếu, Đài Loan Trung Hoa thư cục, 1965.
歷代沿革表(清), 段長基, 四部備要本, 臺灣中華書局, 1965.
33. *Quảng Châu lịch sử địa đồ tỉnh túy*, Trung Quốc đệ nhất lịch sử đương án quán - Quảng Châu thị đương án cục - Quảng Châu thị Việt Tú khu nhân dân chính phủ biên soạn, Trâu Ái Liên, Tiêu Kinh Vinh chủ biên, Trung Quốc đại bách khoa toàn thư xuất bản xã, Bắc Kinh, 2003.
廣州歷史地圖精粹, 中國第一歷史檔案館, 廣州市檔案局, 廣州市越秀區人民政府編著, 鄒愛蓮, 肖敬榮主編, 中國大百科全書出版社, 北京, 2003.

34. *Cổ kim đồ thư tập thành - Địa đồ*, [cuốn 101] (Thanh), Trần Mộng Lôi-Tưởng Đình Tích chủ biên (1706), Văn Tinh thư điểm ảnh ấn, Đài Bắc, 1964.
古今圖書集成-地圖[第一百〇一卷] (清), 陳夢雷-蔣廷錫重撰, 成書康熙四十五年. 文星書店出版, 臺北, 1964.
35. *Ngọc hải, 204 quyển* (Tống), Vương Ứng Lâm soạn, Đài Loan hoa văn thư cục ảnh ấn [theo bản in thời Nguyên cất tại Quốc Lập trung ương đồ thư quán (Đài Bắc)], 1964.
玉海, 二百〇四卷(宋), 王應麟撰, 臺灣華文書局影印, 國立中央圖書館藏元刊本 (1964).
36. *Tứ khố toàn thư giản minh mục lục* (Thanh), năm Càn Long thứ 47 (1782), Vĩnh Dung chủ biên, Tảo Diệp sơn phòng thạch ấn bản, 1919.
四庫全書簡明目錄(清), 乾隆四十七年, 永瑤總裁, 民國八年, 掃葉山房校刊.

Thư tịch hiện đại

37. Cát Bộ Luân biên tập-Cát Tuân Lễ hiệu đính, *Địa lý khái luận, 5 quyển*, Thượng Hải hội văn đường xuất bản, Dân Quốc lục niên (1917).
葛綽綸編輯-葛遵禮校訂, 地理概論, 五卷, 上海會文堂出版, 民國六年[四年首次出版].
38. Vương Dung, *Trung Quốc địa lý đồ tịch từng khảo*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1947.
王庸, 中國地理圖籍叢考, 商務印書館, 上海, 1947.
39. Hà Mẫn Cầu-Trần Nhĩ Thọ-Trình Lộ, *Trung Quốc địa lý khái luận*, Chính trung thư cục, Đài Bắc, 1954.
何敏求-陳爾壽-程潞, 中國地理概論, 正中書局, 臺北, 1954.
40. Trần Chính Tường, *Trung Quốc phương chí đích địa lý học giá trị*, Luận văn Tiến sĩ, 17/2/1965, Hương Cảng Trung Văn đại học.
陳正祥, 中國方志的地理學價值, 17/2/1965, 香港中文大學出版.
41. Cheng-siang Chen “Geographical Evaluation of the Chinese Fang-chih”, Inaugural Address delivered by Prof. C. S. Chen, D.Sc. at the City Hall, February 17, 1965, under the Chairmanship of Dr. C. M. Li, Vice-Chancellor of the University.
42. Sa Học Tuấn, *Địa lý học luận văn tập*, Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1972.
沙學浚, 地理學論文集, 臺灣商務印書館發行, 1972.
43. Lâm Diễn Kinh, *Trung Quốc địa phương chí*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1996.
林衍經, 中國地方志, 上海古籍出版社, 1996.
44. Phương Thi Minh, *Trung Quốc lịch sử kỷ niên biểu*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1980.
方詩銘, 中國歷史紀年表, 上海辭書出版社, 1980.
45. Trần Khánh Kỳ, *Trung Quốc đại sự niên biểu*, Thương vụ ấn thư quán, Hương Cảng, 1964 [tái bản từ bản in lần đầu năm 1934].
陳慶麒, 中國大事年表, 商務印書館, 香港, 1964 [首次出版 1934].
46. Lưu Hoằng Huyền, *Trung Quốc cương vực sử*, Vũ Hán xuất bản xã, 1995.
劉宏煊, 中國疆域史, 武漢出版社, 1995.
47. Trình Quang Dũ-Từ Thánh Mô, *Trung Quốc lịch sử địa đồ tập*, Trung Hoa văn hóa xuất bản sự nghiệp ủy viên hội, Đài Bắc, 1955 (2 cuốn).
程光裕-徐聖謨, 中國歷史地圖集, 中華文化出版事業委員會出版, 臺北, 1955 (二冊).
48. Quách Mạt Nhược chủ biên, *Trung Quốc sử cảo địa đồ tập*, Địa đồ xuất bản xã, Thượng Hải, 1980 (2 cuốn).
郭沫若主編, 中國史稿地圖集, 地圖出版社, 上海, 1980 (二冊).
49. Đàm Kỳ Tương chủ biên, *Trung Quốc lịch sử địa đồ tập*, Địa đồ xuất bản xã, Thượng Hải, 1982 (8 cuốn).
譚其驤主編, 中國歷史地圖集, 地圖出版社, 上海, 1982 (八冊).
50. Tư Đồ Thượng Kỳ chủ biên, *Quảng Đông lịch sử địa đồ tập*, Quảng Đông lịch sử địa đồ tập biên ủy hội, Quảng Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã, Quảng Châu, 1995.
司徒尚紀主編, 廣東歷史地圖集, 廣東歷史地圖集編委會, 廣東省地圖出版社, 廣州, 1995.

51. Nhóm tác giả, *Trung Quốc tri thức địa đồ sách*, Sơn Đông tỉnh địa đồ xuất bản xã, Tế Nam, 2009.
中國知識地圖冊, 山東省地圖出版社, 濟南, 2009.
52. Tang Lệ Hòa và nhóm tác giả, *Trung Quốc cổ kim địa danh đại từ điển*, Thương vụ ấn thư quán, Thượng Hải, 1944.
臧勵穌等編, 中國古今地名大辭典, 商務印書館, 上海, 1944.
53. Trịnh Thiên Đỉnh-Ngô Trạch-Dương Chí Cửu chủ biên, *Trung Quốc lịch sử đại từ điển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2000.
鄭天挺-吳澤-楊志玖主編, 中國歷史大辭典, 上海辭書出版社, 2000.
54. Đàm Kỳ Tương chủ biên, *Trung Quốc lịch sử đại từ điển-Lịch sử Địa lý*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 1997.
譚其驤主編, 中國歷史大辭典-歷史地理, 上海辭書出版社, 1997.
55. Hạ Chính Nông chủ biên, *Đại Từ hải-Trung Quốc cổ đại sử quyển*, Thượng Hải từ thư xuất bản xã, 2008.
夏征農主編, 大辭海-中國古代史卷, 上海辭書出版社, 2008.
56. Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục biên tập ủy viên hội biên, *Trung Quốc cổ tịch thiện bản thư mục, Sử bộ 10 quyển*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1991.
中國古籍善本書目, 史部十卷, 上海古籍出版社, 1991.
57. Thiệu Ý Thần soạn, Thiệu Chương bổ, *Tăng đính Tứ khố giản minh mục lục tiêu chú*, Thượng Hải cổ tịch xuất bản xã, 1959, 1963, 1979, 2000.
邵懿辰撰-邵章續錄, 增訂四庫簡明目錄標注, 上海古籍出版社, 1959, 1963, 1979, 2000.

Tư liệu ngoài Trung Hoa

1. Kishida Ginko [Ngạn Diễm Ngâm Hương (Quốc Hoa)], *Thanh quốc địa chí* (Hòa văn), bản in Minh Trị Tân Tự (1881), Đông Kinh lạc thiện đường (3 cuốn).
清國地志, 岸田吟香(國華), 明治辛巳刻於東京樂善堂 (上, 中, 下三冊).
2. Naito Konan [Nội Đẳng Hồ Nam (Hồ Thủ Lang)], *Trung Quốc sử thông luận*, nguyên tác Hòa văn (1920-1930), [bản Trung văn do Hạ Ứng Nguyên giám dịch, Xã hội khoa học văn hiến xuất bản, Bắc Kinh, 2002/ 中國史通論, 內藤湖南(虎次郎) 和文. 夏應元中文監譯, 社會科學文獻出版社, 北京, 2002].
3. Joseph Needham, *Science and Civilisation in China - 3*, Cambridge at the University Press, 1959.
4. Joseph Needham-Colin A. Ronan, *The Shorter Science and Civilisation in China - 2*, Cambridge at the University Press, 1986.
[李約瑟原著-柯林罗南改编, 中华科学文明史, 上海交通大学科学史系译, 江晓原策划(鈕卫星, 郑燕, 商偉明译, 关曾建校), 上海人民出版社, 2002].
5. Albert Herrmann, *An historical atlas of China*, Aldine Publishing Company Chicago, Netherlands, 1966.
6. Jonathan D. Spence, *The Search for Modern China*, Copyright Notice exactly in USA Edition, 1999. [史景遷著, 追尋現代中國, 溫洽溢譯時報文化出版, 臺北, 2001].
7. Phạm Kim Hùng, “Đi tìm sự thật về lịch sử hai quần đảo ở biển Đông”; “Một số nhận xét về sách và bản đồ cổ Trung Quốc”, www.biengioilanhtho.gov.vn
8. Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép liên quan đến biển Đông Việt Nam trong chính sử Trung Quốc”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 1 (84). 2011, tr. 44-88.
9. Phạm Hoàng Quân, “Những ghi chép về vùng biển Quảng Đông (Trung Hoa) và biển Đông (Việt Nam) trong *Đại Thanh thực lục* đối chiếu *Đại Nam thực lục*”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế, số 2 (85). 2011, tr. 49-74.

TÓM TẮT

Trong kho tàng thư tịch cổ Trung Hoa, phương chí là loại sách lịch sử địa lý chứa đựng những thông tin bách khoa, biên chép rõ và cụ thể về các đơn vị hành chính, quá trình thay đổi tên gọi, tách nhập đất đai, về sông núi thành trấn, đường sá thủy bộ, các dữ liệu về kinh tế, văn hóa, nhân vật... Vì thế, phương chí đóng vai trò rất quan trọng trong việc tìm hiểu về cương vực của Trung Quốc với các nước có đường biên giới lân cận trong lịch sử.

Khảo chứng các loại phương chí được biên soạn từ thời nhà Đường cho đến nhà Thanh cho thấy cương vực, không gian vùng biển phía cực nam của Trung Quốc chưa bao giờ vượt quá huyện Nhai của tỉnh Hải Nam ngày nay. Riêng việc xác định chủ quyền trong lịch sử đối với các nơi trên biển Đông, hoàn toàn không có một sự ghi nhận nào trong các loại phương chí lẫn chính sử thể hiện sự quản lý hành chính của các triều đại Trung Hoa đối với Tây Sa và Nam Sa, là những nơi mà trong các loại thư tịch đồng dạng, Việt Nam đã ghi nhận bằng tên Hoàng Sa và Trường Sa.

ABSTRACT**SUM-UP OF NOTES CONCERNING THE EAST SEA (VIETNAM)
IN CHINESE GEOGRAPHIC HISTORY BOOKS**

In the ancient bibliographic treasure of China, geographic history books contain encyclopedic information relating to administrative divisions, process of changing geographical names, land separation and combination, rivers and mountains, cities and towns, roads and waterways, data of economy, culture and personalities, etc... So they plays a very important role in learning about the borders of China and its neighboring countries in history.

Evidences from various geographic history books compiled from the Tang Dynasty to the Qing Dynasty show that the maritime boundary in southernmost China has never been beyond Nhai district of Hainan province. Particularly, about the determination of sovereignty on the East Coast, there hasn't been any recognition of Chinese control over Tây Sa and Nam Sa, or Hoàng Sa and Trường Sa (Paracel islands and Spratly islands) called by similar Vietnamese books, found in both geographic history books and other history records of China.